

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 19/01/2021

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD1+P3+P1	7:25	1+0+19	0+0+0		0+0+22	0+0+0	chuyen 3- p3- p1
2		P2+BK5+BK6	7:25	13+4+4	0+0+0		13+5+4	0+0+0	
3		CTK3+TD3+BK15	7:25	3+10+1	0+0+0		6+10+5	0+0+0	
4		BK3+P2+PVD2	9:25	13+5+0	0+0+0		15+0+4	0+0+0	
5		AMD+VSP01+VSP02	9:25	14+2+0	0+0+0		12+2+8	0+0+0	
6		P4+P7+P1	11:25	2+0+20	0+0+0		0+0+22	0+0+0	chuyen 2 p4- p7

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ đoàn nghỉm thu 5 ng đi P1 về chuyển cuối;
2/Đoàn QTMT đi P3 sang P1 chuyển đầu và về bờ chuyển cuối



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/01/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 1	TO: TD1 - P3 - P1	CREW: ĐỨC - KHÁI - TDUNG	ETA: 09:20
Vang-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN THỰC	TD1	01	1	10	35	82	KHOAN	Vietnamese
2	LÊ QUANG BÌNH	P1	38	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐẠO TRUNG KIẾN	P1	37	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
4	VŨ VĂN TOÀN	P1	32	1	3		70	D-HANH	Vietnamese
5	TRỊNH BA NGỌC	P1	40	1	2		63	D-HANH	Vietnamese
6	KISELEEV IGOR	P1	26	1	9		95	KH-THAC	Russian
7	TRẦN KIM CUƠNG	P1	35,43	2	7		63	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAN TRUNG CHÍNH	P1				30	63	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN TRUNG DƯƠNG	P1	29	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ KIẾN TRUNG	P1	36	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN THẾ VINH	P1	34	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN LONG BIÊN	P1	33	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐẶNG VĂN ĐỨC	P1	30	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM THANH TÀI	P1	27	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN THUY	P1	28	1	3		69	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐOÀN VĂN DƯ	P1	31	1	3		73	KH-THAC	Vietnamese
17	HỒ NGỌC HÙNG	P1	39	1	3		81	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAN VĂN THỊNH	P1					76	NIPI	Vietnamese
19	NGUYỄN TIẾN DUNG	P1					67	NIPI	Vietnamese
20	PHẠM SY HIỆP	P1					61	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	1	1	10	82	35	0		CHUYEN 03 PAX TU P3 SANG P1
2	P3	0	0	0	0	30	0		
3	P1	19	16	99	1.349	30	22		
TOTAL		20	17	109	1.431	95	22		
WEIGHT KG				109	1.431	95			

GRAND TOAL: 1.635 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/01/2021	TO: P2 - BK5 - BK6	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: Phong - Duong - Năm	ETA: 09:10
XANH-1			

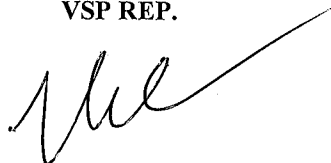
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VÔ DUY TOÀN	P2	57	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
2	LE SY VANG	P2	61	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐO HỮU NGUYỄN	P2	60	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
4	DƯƠNG XUÂN ĐIẾP	P2	59	1	5		46	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐO VĂN ĐĂNG	P2	63	1	7		74	KH-THAC	Vietnamese
6	LE NGỌC HÙNG	P2	55	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN THANH NAM	P2	51	1	4		62	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐANG NGUYỄN DUY NHAN	P2	52-53	2	9		52	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN QUỐC TRUNG	P2	62	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
10	HO NGHIA TAI	P2	54	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN VĂN HÙNG	P2	58	1	8		62	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN TIẾN CHUÔNG	P2					68	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN XUÂN THUY	P2	56	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM VĂN TẬP	BK5	25	1	7		69	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐOÀN VĂN TRỊNH	BK5	26	1	5	55	62	KH-THAC	Vietnamese
16	BUI THE DUONG	BK5	27	1	10		66	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN HỮU NGHIỆM	BK5	24	1	7		65	PSV	Vietnamese
18	TRẦN QUANG BÌNH	BK6	67	1	9		83	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN THANH HAI	BK6	66	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN ĐỨC THIẾP	BK6	65	1	4	50	67	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN QUỐC AN	BK6	68	1	4		67	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	13	13	68	824	0	13		
2	BK5	4	4	29	262	55	5		
3	BK6	4	4	24	292	50	4		
TOTAL		21	21	121	1.378	105	22		
WEIGHT KG				121	1.378	105			

GRAND TOAL: 1.604 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/01/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 3	TO: CTK3 - TD3 - BK15	CREW: Khang - HUNG - Luy	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TANG XUAN CHIN	CTK3	86	1	9		64	HVJOC	Vietnamese
2	NGUYEN NINH BINH	CTK3	87-88	2	12	100	71	WESTERN	Vietnamese
3	DINH MANH DUC	CTK3	84-85	2	7		75	VNHS	Vietnamese
4	KHAERDINOV VITALY	TD3	36	1	8		70	KHOAN	Russian
5	ĐINH CHÍ CÔNG	TD3	37	1	12		68	KHOAN	Vietnamese
6	QUACH THE ANH	TD3	40	1	10		67	KHOAN	Vietnamese
7	DUONG QUOC VIET	TD3	46	1	9	30	85	KHOAN	Vietnamese
8	PODYMOM DMITRY	TD3	38	1	8		146	KH-THAC	Russian
9	TRAN VAN TINH	TD3	41	1	7		61	KH-THAC	Vietnamese
10	LE TAN	TD3	39	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAM THANH KIM	TD3	45	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN HOANG CAM	TD3	42-43	2	10		72	KH-THAC	Vietnamese
13	LE VAN THINH	TD3	44	1	5		62	PSV	Vietnamese
14	VU NGOC THAI SON	BK15	76	1	8	96	70	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	3	5	28	210	100	6		
2	TD3	10	11	79	774	30	10		
3	BK15	1	1	8	70	96	5		
TOTAL		14	17	115	1.054	226	21		
WEIGHT KG				115	1.054	226			

GRAND TOAL: 1.395 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/01/2021	TO: BK3 - P2 - PVD2	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:40
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: Phong - Dương - Năm	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN QUANG DŨNG	BK3	30-31	2	11		65	KH-THAC	Vietnamese
2	CAO ĐẶC DÂN	BK3	24-25	2	15		69	CODIEN	Vietnamese
3	LÊ ANH TUÂN	BK3	28-29	2	16		70	CODIEN	Vietnamese
4	NGUYỄN KHANH HÙNG	BK3	26-27	2	13	15	70	CODIEN	Vietnamese
5	TRẦN PHÚ	BK3	22	1	6	15	70	CODIEN	Vietnamese
6	KIM NHẬT THÀNH	BK3	21	1	13		70	CODIEN	Vietnamese
7	HỒ HUY QUYNH	P2					67	KH-THAC	Vietnamese
8	HÀ VĂN NIN	P2	74	1	7		73	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ ANH VŨ	P2	69	1	13		80	KH-THAC	Vietnamese
10	HOANG VĂN SƠN	P2	64	1	10		67	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM THANH HIẾN	P2	68	1	4		76	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ VĂN NAM	P2	73	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN MANH HUNG	P2	66	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
14	HOANG VĂN THAI	P2	70	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐOÀN MINH XANH	P2	67	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
16	HÀ CHIẾN THẮNG	P2	65	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN QUÝ TRUNG	P2	72	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
18	HOANG TÂN QUÂN	P2	71	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN CHI HƯƠNG	P2	75	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN MANH TRUONG	PVD2	98	1	12		80	DVL	Vietnamese
21	TRẦN VĂN MẠNH	PVD2	96	1	13	10	70	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK3	6	10	74	414	30	0		
2	P2	13	12	77	915	0	15		
3	PVD2	2	2	25	150	10	7		
TOTAL		21	24	176	1.479	40	22		
WEIGHT KG				176	1.479	40			

GRAND TOAL: 1.695 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/01/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:45
FLIGHT: 5	TO: AMD - VSP01 - VSP02	CREW: Khang - HUNG - Luy	ETA: 11:25
CAM - 2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGÔ SỸ KHÔI	AMD	89	1	10		68	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ TRI TRUNG	AMD	87	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
3	HOANG TRUNG KIÊN	AMD	88	1	14		65	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN ANH KHOA	AMD	91	1	5	140	65	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN QUANG LONG	AMD	86	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
6	THAI NG HAI VI	AMD	90	1	7		90	KH-THAC	Vietnamese
7	PHI MẠNH HAI	AMD	95	1	6		85	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ THANH TÂN	AMD	92	1	10		62	KH-THAC	Vietnamese
9	BUI TRẦN LIÊM	AMD	93	1	5	23	63	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐOÀN TRỌNG TƯỜNG	AMD	94	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
11	VŨ ANH TÙNG	AMD	99,600	2	10		73	CODIEN	Vietnamese
12	HOANG MINH THƯƠNG	AMD	02-03	2	15		62	CODIEN	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN HOÀNG	AMD	04	1	10		53	CODIEN	Vietnamese
14	VŨ QUANG TUÂN	AMD	01	1	8		68	CODIEN	Vietnamese
15	GRICHENKOV JU. V	VSP01	03	1	9		89	KH-THAC	Russian
16	NGUYỄN ĐỨC THIÊN	VSP01	02	1	5	10	66	KH-THAC	Vietnamese
17	DO DAI DUONG	VSP01	04	1	6		57	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN MANH THANG	VSP01	01	1	6		64	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	14	16	121	978	163	12		
2	VSP01	4	4	26	276	10	2		
3	VSP02	0	0	0	0	0	8		
TOTAL		18	20	147	1.254	173	22		
WEIGHT KG				147	1.254	173			

GRAND TOAL: 1.574 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/01/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 11:55
FLIGHT: 6	TO: P4 - P7 - P1	CREW: Phong - KHOAN - DTung	ETA: 13:35
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU NGOC CANH	P4	36-37	2	16		78	CODIEN	Vietnamese
2	DO DUC ANH	P4	35	1	12	30	80	CODIEN	Vietnamese
3	TRAN HOANG NHAN	P1	58	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAM ANH SON	P1	44-45	2	10		63	KH-THAC	Vietnamese
5	LE DINH PHUC	P1	57	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
6	VU NAM CUONG	P1	47	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
7	TO QUANG ANH	P1	54	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
8	VO HONG HAI	P1	50	1	12		63	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAM VAN THANG	P1	63	1	5		50	KH-THAC	Vietnamese
10	TRAN VAN PHIEN	P1	52	1	3	23	63	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN DOAN DUC	P1	46	1	10		77	KH-THAC	Vietnamese
12	TRINH NGOC TU	P1	62	1	8		72	CODIEN	Vietnamese
13	LE NGOC ANH	P1	64-65	2	9		73	CODIEN	Vietnamese
14	DINH VAN DONG	P1	51	1	8		59	DVL	Vietnamese
15	TRAN DUC THANG	P1	60	1	18		66	XAYLAP	Vietnamese
16	HOANG VAN LINH	P1	48-49	2	12		58	YTE	Vietnamese
17	TRAN TRUNG KIEN	P1	59	1	2		68	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN KHANH CHAN	P1					63	PSV	Vietnamese
19	PHAN SY HOAN	P1	53	1	5		65	PSV	Vietnamese
20	NG THI KIM TUYEN	P1	70-71	2	13		63	PSV	Vietnamese
21	TRAN HUU DUNG	P1	55-56	2	10		80	KH-THAC	Vietnamese
22	LE HONG MINH	P1	61	1	5		69	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	2	3	28	158	30	0		CHUYEN 2 PAX P4 SANG P7
2	P7	0	0	0	0	0	0		
3	P1	20	24	148	1.295	23	22		
TOTAL		22	27	176	1.453	53	22		
WEIGHT KG				176	1.453	53			

GRAND TOAL: 1.682 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN